## ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT**

**BỘ MÔN VIỆT NGỮ HỌC**

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

**TIẾNG VIỆT CHUYÊN NGÀNH III**

**(KINH TẾ - XÃ HỘI)**

(Specific Vietnamese III)

**1. Thông tin về giảng viên**

**1.1. Giảng viên 1**

Họ và tên: **Vũ Văn Thi**

Chức danh, học vị: Giảng viên chính, PGS. TS.

Thời gian làm việc: Thứ 2 & thứ 6 hàng tuần

Địa điểm làm việc: P.203, nhà B7- Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt (P.203), nhà B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (+84) 38693524

Email: vuvanthi@yahoo.com

Các hướng nghiên cứu chính:

• Lịch sử tiếng Việt.

• Ngữ pháp tiếng Việt.

• Ngôn ngữ học dạy tiếng.

**1.2. Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng Ngọc**

Chức danh, học vị: Giảng viên, TS

Thời gian làm việc: Thứ 2 & thứ 6 hàng tuần

Địa điểm làm việc: Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt (P.203), nhà B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt (P.203), nhà B7 Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (+84) 8694323

Email: hoatrangvan@yahoo.com

Các hướng nghiên cứu chính:

• Ngôn ngữ học so sánh

• Ngôn ngữ học dạy tiếng

**2. Thông tin chung về môn học:**

• Tên môn học: **Tiếng Việt chuyên ngành III**

(Specific Vietnamese)

• Mã môn học: VLC 3043

• Số tín chỉ: 03

• Môn học: Bắt buộc

• Các môn học tiên quyết: VLC 3043

• Các yêu cầu đối với môn học:

- Sinh viên phải biết được các kỹ năng truy cập thông tin trên mạng và soạn thảo trên Power Point;

- Nắm vững những hiện tượng ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói,đọc, viết, ...

• Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Lý thuyết: 16

+ Bài tập, thực hành: 26

+ Thảo luận: 03

+ Tự học:

• Địa chỉ Khoa phụ trách môn học: Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học:**

**3.1. Mục tiêu chung:**

**3.2. Chuẩn đầu ra của môn học (Mục tiêu cụ thể):**

Sau khi học xong môn này, sinh viên sẽ:

**a. Về kiến thức:**

- Sử dụng vốn từ vựng và những mẫu câu được trang bị trong các giờ học để trình bày được các chủ đề sau: Xã hội, chính trị, kinh tế, pháp luật, du lịch, môi trường, hệ thống giáo dục các cấp của Việt Nam, truyền thông, y tế, khoa học kỹ thuật, thể thao, môi trường, ngoại giao, truyền thông liên lạc, những tác động đối với Việt Nam trước sự thay đổi về khí hậu cũng như toàn cầu hoá, các khó khăn thách thức mà quốc gia cũng như Việt Nam phải đối mặt trong thời kỳ hiện nay.

- Sử dụng được các hiện tượng ngữ pháp sau trong các bài viết*:* các từ nối trong một đoạn văn; các từ dùng để chuyển đoạn văn; cách trích dẫn và ngắt câu; cụm từ/ mệnh đề chỉ nguyên nhân, kết quả và sự trái ngược, ngôn ngữ miêu tả, cách viết thư trang trọng và không trang trọng, viết các bài báo, các bài bình luận, bài thu hoạch, kể chuyện và mô tả quá trình......

- Hiểu được khoảng 500 từ và cụm từ. Vận dụng được một số từ chuyên ngành đã được học trong các học phần tiếng Việt cơ sở I, II, III.

**b. Về kỹ năng:**

Sinh viên được củng cố và phát triển:

**+ Nghe:**

- Nghe các bản tin tốc độ thường và nhanh trên Đài TNVN /truyền hình VN hoặc các bài trong sách để phát triển các kỹ năng: nghe lấy ý chính; nghe lấy thông tin chi tiết; nghe và ghi lại được thông tin chính (note-taking); nghe hiểu và nói lại được ý chính của một đoạn văn ngắn; nghe và tóm tắt bài khoá.

**+ Nói:**

- Hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp về các chủ đề như: Xã hội, Chính trị, kinh tế, pháp luật, du lịch, môi trường, hệ thống giáo dục của VN, các hình thức và phương tiện truyền thông liên lạc, đặc trưng và biểu tượng quốc gia, các xu hướng của VN trước sự thay đổi về khí hậu cũng như toàn cầu hoá, các khó khăn thách thức mà VN phải đối mặt trong thời kỳ hiện nay.

- Biết cách thuyết trình trước lớp hoặc trước đám đông về các chủ đề học trong chương trình. Nắm được các kỹ năng thuyết trình: bắt đầu và kết thúc 1 bài thuyết trình, chuyển ý giữa các phần trong bài thuyết trình, cách sử dụng các giáo cụ trực quan (visual aids), các kỹ năng thu hút người nghe trong khi thuyết trình, kỹ năng chuẩn bị và trả lời các câu hỏi từ người nghe,… v.v.

**+ Đọc**:

- Đọc các bài đọc có liên quan đến chủ đề trong chương trình và phát triển các kỹ năng đọc sau: đọc và xác định ý chính trong bài; đọc và xác định các thông tin chi tiết; suy luận; nhận ra dấu hiệu chuyến ý trong đoạn văn; nhận dạng các nguồn tin; nhận dạng các quan điểm; nhận diện các dấu hiệu chuyển đoạn,...v.v.

- Hiểu bài đọc và áp dụng thành thạo các kỹ năng đọc để giải quyết tốt các bài tập có liên quan đến nội dung bài đọc như: chọn tiêu đề cho đoạn; trắc nghiệm; quyết định thông tin Đúng/Sai/ Không có thông tin; sắp xếp lại các sự kiện trong bài; nhận diện loại thông tin bằng cách đánh dấu √; đoán nghĩa của từ dựa vào văn cảnh; hoàn thành câu sử dụng các từ/cụm từ trong đoạn văn; đọc và nhận dạng các từ chuyển ý, chuyển đoạn; tìm các cụm từ/ mệnh đề có cách diễn đạt tương tự như ý trước; điền thông tin để hoàn thành cốt truyện/ kịch bản; v.v.

+ Viết:

- Nắm được lý thuyết cơ bản về cách viết 1 bài luận: cấu trúc của một bài luận, cách làm dàn ý, cách liên kết các phần thành một bài hoàn chỉnh, v.v.

- Biết cách viết các bài luận dưới dạng nguyên nhân - hệ quả về các chủ đề được học trong chương trình.

- Biết cách điền thông tin vào đơn xin việc, viết các bức thư trang trọng như thư cảm ơn, thư xin việc, viết các bài báo, các bài bình luận, bài thu hoạch, kể chuyện và mô tả quá trình

c. Về thái độ:

Sinh viên cần phải có thái độ:

- Sinh viên cảm thấy yêu thích môn học.

- Tự tin hơn khi giao tiếp bằng tiếng Việt

- Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành học bằng tiếng Việt.

- Xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được đinh hướng học tập và việc làm trong tương lai.

**3.3. Bảng tổng hợp chuẩn đầu ra của môn học (Mục tiêu chi tiết):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **Nội dung** | **Bậc 1** | **Bậc 2** | **Bậc 3** |
| **Nội dung**  **1**  XÃ  HỘI | I.A.1. Nghe và đánh dấu các từ vựng cho trước trong đoạn băng về *Một số vấn đề về xã hội VN* (MSVĐXHVN)  I.A.2. Liệt kê những thông tin đã biết về MSVĐXHVN.  I.A.3. Nhớ được ít nhất 10 từ ngữ trong bài đọc (BĐ) về MSVĐXHVN.  I.A.4. Nhớ được các phần cần có trong một b.luận và ch.năng của từng phần. | I.B.1. Sử dụng th.tin nghe được tr.lời c.hỏi, chọn đ.án đúng  I.B.2. S.xếp th.tin đã liệt kê theo nhóm : về tổ chức XH, về XHVN hiện tại, những thay đổi trong XHVN hiện đại, sự khác biệt giữa các v/đề XHVN với các quốc gia khác.  I.B.3. Sử dụng th.tin trong BĐ ghép tiêu đề cho từng đoạn, chọn ý chính của bài qua tr.lời c.hỏi/tr.nghiệm. | I.C.1.Từ các thông tin nghe được viết tóm tắt NDbài nghe  I.C.2. Rút kinh nghiệm từ cách tập hợp và tổ chức ý đối với chủ đề bất kỳ.  I.C.3. Tóm tắt ND bài MSVĐ XHVN (100-120 từ). |
| **Nội dung**  **2**  CHÍNH  TRỊ | II.A.1. Nghe bài lấy ý chính: *Những sự kiện chính trị nổi bật và hình ảnh con người VN trong con mắt người nước ngoài*…  II.A.2. Nhớ được những yêu cầu khi mở đầu bài thuyết trình  II.A.3. Nhớ được 10 từ ngữ trong BĐ về NSKCTNB…,  II.A.4. Nhớ được các phần cần có khi mở đầu bài luận (câu chủ đề…) | II.B.1. Hiểu th.tin để tr.lời c.hỏi, chọn đáp án đúng, điền từ và làm bài tóm tắt.  II.B.2. Trình bày được phần đầu bài thuyết trình các sự kiện chính trị, lịch sử nổi bật.  II.B.3. Sử dụng th.tin trong bài, ghép ý chính cho từng đoạn, chọn câu chủ để của BĐ. | II.C.1. Từ k.thức thu được của bài nghe nói lại ND chính của bài.  II.C.3. Trình bày t.tắt ND b.đọc 3 phút, trước lớp. |
| **Nội dung**  **3**  KINH  TẾ | III.A.1. Liệt kê được các địa danh và 10 từ ngữ chủ đề *Những sự kiện kinh tế nổi bật - đánh giá của ch.gia nước ngoài về sự ph. triển k. tế của VN*  III.A.2. Nghe được ND bài nghe về chủ đề K.tế.  III.A.3. Nhớ được các từ ngữ liên kết, chuyển ý giữa các phần trong bài th.trình.  III.A.4. Liệt kê được những phần cần có trong đoạn kết bài luận. | III.B.1. Hiểu được th.tin trong BĐ tr.lời CH, chọn đúng/sai và điền từ chỗ trống.  III.B.2. Trình bày lại ND b.đọc rồi chọn 1 v/đề kinh tế nổi bật làm chủ đề th.luận nhóm.  III.B.3. Sử dụng các từ ngữ liên kết và chuyển ý để ghép nối các phần trong bài th.trình  III.B.4. Viết đoạn kết bài luận theo chủ đề đã cho ở tuần 2. | III.C.1. Sử dụng thông tin thu được nói lại ND bài nghe.  III.C.2. Thảo luận về những ND của bài nghe, bài đọc |
| **Nội dung**  **4**  PHÁP  LUẬT | IV.A.1. Nghe và đánh dấu từ cho sẵn ở bài nghe : *Pháp luật và đời sống*  IV.A.2. Liệt kê các th.tin về chủ đề *Pháp luật và đời sống*  IV.A.3. Biết đọc lướt lấy th.tin, ghi lại được th.tin nổi bật  IV.A.4. Nhớ cách tổ chức ý trong bài luận về luật. (tr.tự th.gian, tr.tự ng.nhân-hệ quả). | IV.B.1. Nghe và ghi lại những th.tin để tr.lời CH đúng/sai/không có th.tin, tr.nghiệm và điền từ chỗ trống.  IV.B.2. Sắp xếp các th.tin theo chủ đề, chọn lọc ý cho phần thân bài của bài th.trình.  IV.B.3. Biết lập dàn ý một b.luận về chủ đề PL&ĐS theo cách tổ chức ý khác nhau. | IV.C.1. Tóm tắt ND bài nghe.  IV.C.2. Trình bày phần mở đầu bài th.trình chủ đề bất kì.  IV.C.3. Viết một đoạn văn về LPVN trên con đường hội nhập và phát triển. |
| **Nội dung**  **5**  DU  LỊCH | V.A.1. Nhớ được ND bài nghe: *Các loại hình DLVN.*  V.A.2. Phân biệt được từng loại hình DL  V.A.3. Nối được các loại hình DL khác nhau với các địa danh DL ở VN  V.A.4. Nhớ được yêu cầu cần thiết đối với mỗi loại hình du lịch. | V.B.1. Ghi nhanh được các ý trong bài nghe.  V.B.3. Đánh dấu sự khác nhau của các loại hình DL, sắp xếp các sự kiện theo đúng trình tự tổ chức một tua DL  V.B.4. Vận dụng các nguyên tắcDL, chọn một địa danh DL lập ch.trình cho tua DL đó | V.C.1. Nói lại ND bài nghe.  V.C.2. Viết một đoạn văn giới thiệu về một địa danh DL. |
| **Nội dung**  **6**  GIÁO  DỤC | VI.A.1. Nghe và đánh dấu từ trong bài *Hệ thống giáo dục VN.*  VI.A.3. Nhận ra đ.mạnh/yếu của mỗi loại giáo cụ như: máy chiếu, bảng, các loại biểu đồ.  VI.A.4. Nhớ được ít nhất 10 từ ngữ liên quan đến chủ đề GDVN trong BĐ | VI.B.1. Nghe và ghi th.tin để trả lời các câu hỏi đưa ra.  VI.B.2. Viết được 1 đoạn của b.nghe về GDVN.  VI.B.3. Sử dụng các loại giáo cụ trực quan cho từng phần của bài thuyết trình.  VI.B.4. Dùng th.tin từ BĐ làm cácBT: tr.lời c.hỏi, tr.nghiệm; dịch... | VI.C.1. Tóm tắt ND bài nghe.  IV.C.3. Sử dụng giáo cụ trực quan th.trình một phần trong bài th.trình theo chủ đề bất kì  VI.C.5. Lập dàn ý cho bài viết, hoặc đề cương cho bài luận. |
| **Nội dung**  **7**  TRUYỀN  THÔNG | VII.A.1. Nghe, nhớ ND bài *Phương tiện truyền thông ở VN.*  VII.A.2. Nêu được điều nên/không nên khi sử dụng ngôn ngữ cử chỉ (NNCC) trong th.trình…  VII.A.3. Biết cách đọc lướt lấy th.tin chính trong bài: *Các h.thức & PTTT.*  VII.A.4. Liệt kê được từ ngữ liên kết câu, đoạn văn và từ chuyển đoạn. | VII.B.1. Nắm được ý chính b.nghe, tr.lời CH, CH tr.nghiệm, ghép nối th.tin…  VII.B.2. Dùng điều đã học để sử dụng NNCC một cách có hiệu quả khi th.trình.  VII.B.3. Đọc, nhớ ý chính làm các BT: tr.lời c.hỏi, tr.lời đúng/sai/không biết.  VII.B.4. Sử dụng các từ ngữ ghép các phần thành 1 bài luận hoàn chỉnh. | VII.C.1. Nói lại được phần lớn các sự kiện nghe được.  VII.C.3. Bằng thông tin trong bài đọc viết một bài tóm tắt bài đọc (150 từ). |
| **Nội dung**  **8**  KHOA  HỌC  KĨ  THUẬT | IX.A.1. Nghe, ghi lại th.tin chính trong bài *Những th.tựu của nền KHKT Việt Nam* …  IX.A.2.Biết được các câu hỏi hay gặp khi th.trình…  IX.A.3. Biết kỹ năng đọc lướt tìm tiêu đề, ý chính trong BĐ: Sự phát triển của KHCN, những th.tựu cũng như mặt yếu trong q.trình hội nhập, ph.triển. | IX.B.1. Nghe, nhớ ý chính trong bài để làm BT: CHtrắc nghiệm, trả lời CH, ghép nối thông tin; nghe, ghi lại đoạn tin  IX.B.2. Hiểu được các loại c.hỏi (từ chối không trả lời, tránh trả lời…)  IX.B.3. Đọc, nhớ thông tin chính để làm các bài tập: trả lời CH, trả lời đúng/sai/ không th.tin, tóm tắt BĐ, tìm th.tin theo yêu cầu. | IX.C.1. Tóm tắt ND của bài nghe (80-100 từ).  IX.C.3. Viết bài g.thiệu về các th.tựu của KHTG trong năm.  VIII.C.4. Rút kinh nghiệm từ những bài viết của s/v. |
| **Nội dung**  **9**  KHÍ  HẬU | IX.A.1. Nghe, ghi được thông tin, từ ngữ về khí hậu trong bài: *Sự thay đổi khí hậu toàn cầu và những tác động* …  IX.A.2.Nhớ được yêu cầu cần thiết khi làm một bài th.trình (kiến thức đã học từ tuần 1-9)  IX.A.3. Biết đọc lướt tiêu đề tìm các th.tin chính trong BĐ: *Sự thay đổi KHTC& những tác động.* | IX.B.1. Nghe, nhớ th.tin trong bài để làm BT: CH trắc nghiệm, chọn th.tin đúng/sai/không thông tin ; điền từ; nghe và chép lại một đoạn tin…  IX.B.2. Dùng k.thức đã học để làm bài th.trình về 1 trong 8 chủ đề đã học.  IX.B.3. Viết bài luận theo cách tổ chức ý  theo trình tự thời gian. | IX.C.1. Tóm tắt ND bài nghe (80-100 từ)  IX.C.3.Viết một đoạn văn về chủ đề thay đổi khí hậu và những tác động của nó đối với VN. |
| **Nội dung**  **10**  THỂ  THAO | XI.A.1. Nghe, nhớ ND chính bài: *Những mặt mạnh của thể thao Việt Nam…*  IX.A.2.Biết các dạng CH hay gặp khi th.trình (CH ngoài phạm vi bài th.trình…)  XI.A.3. Biết các kỹ năng khi đọc: đọc lướt  hiểu ý chính&tìm th.tin; đọc kỹ tìm th.tin chi tiết; đoán nghĩa từ qua ngữ cảnh… | XI.B.1. Nắm được th.tin bài nghe để làm BT: trả lời CH, trả lời đúng/sai/ không th.tin và điền từ…  XI.B.2. Biết cách thuyết trình nhóm về một chủ đề chuẩn bị trước; (bố cục từng phần, ND, cách sử dụng ngôn ngữ, giáo cụ trực quan…)  XI.B.3. Đọc và nhớ các th.tin để làm các BT. | XI.C.1. Viết một bài về TT VN qua t.tắt ND bài đọc, bài nghe..  XI.C.2. Rút kinh nghiệm cho các nhóm th.trình.  XI.C.3. Rút kinh nghiệm qua việc chữa bài viết trên lớp cho s/v. |
| **Nội dung**  **11**  MÔI  TRƯỜNG | XII.A.1. Biết nguyên tắc chép 1 đoạn tin từ một bài nghe.  IX.A.2.Biết các dạng CH hay gặp khi làm th.trình (câu hỏi ngoài phạm vi, câu hỏi về th.tin đã đề cập…)  XII.A.3. Biết các kỹ năng khi đọc: đọc lướt  hiểu ý chính&tìm th.tin; đọc kỹ tìm th.tin chi tiết qua bài: *MT và v.đề bảo vệ MTở VN.* | XII.B.1. Nắm được cách ghi th.tin nhanh khi nghe để trả lời đúng CH và điền th.tin còn thiếu.  XII.B.2. Củng cố kỹ năng th.trình nhóm sử dụng powerpoint.  XII.B.3. Biết đưa ra quan điểm/nhận xét/đánh giá v/đề liên quan đến *luật MT&BVMT và BVMT ở VN hiện nay.*  XII.B.4. Viết bài luận theo cách tổ chức ý:  nguyên nhân-hệ quả | XII.C.1. Viết lại một đoạn trong bài nghe về chủ đề bảo vệ rừng ở VN  XII.C.4. Tìm đọc luật môi trường của VNvà ghi lại những ý chính. |
| **Nội dung**  **12**  NGOẠI  GIAO | XIII.A.1. Nghe, nhớ ý chính bài: *Những th.tựu của nền ng.giao VN (NGVN).*  IX.A.2.Biết các dạng CH hay gặp khi làm th.trình (CH ngoài phạm vi, CH về th.tin đã đề cập…)  XIII.A.3. Biết các kỹ năng khi đọc: đọc lướt  hiểu ý chính&tìm th.tin; đọc kỹ tìm th.tin chi tiết qua bài nghe (NGVN) | XIII.B.1.Vận dụng kỹ năng nghe làm các bài tập tổng hợp  XIII.B.2. Tiếp tục củng cố kỹ năng thuyết trình theo nhóm sử dụng powerpoint.  XIII.B.3. Đọc hiểu và làm được các bài tập kiểm tra các kỹ năng đã học. | XIII.C.1. Chép lại một đoạn tin từ một bản tin.  XIII.C.3. Viết bài nói về một thành tựu của NGVN  XIII.C3. Tiếp tục rút kinh nghiệm qua việc chữa bài tập viết trên lớp cho s/v. |
| **Nội dung**  **13**  TOÀN  CẦU  HÓA  VÀ  NHỮNG  THÁCH  THỨC | XIII.A.1. Nghe, nhớ ý chính bài: *Toàn cầu hóa và những thách thức.*  IX.A.2.Biết các dạng CH hay gặp khi làm th.trình (CH ngoài phạm vi, CH về th.tin đã đề cập…)  XIII.A.3. Biết các kỹ năng khi đọc: đọc lướt  hiểu ý chính&tìm thông tin; đọc kỹ tìm thông tin chi tiết qua bài nghe (TCH&TT) | XIII.B.1.Vận dụng kỹ năng nghe làm các bài tập tổng hợp  XIII.B.2. Tiếp tục củng cố kỹ năng thuyết trình theo nhóm sử dụng powerpoint.  XIII.B.3. Đọc hiểu và làm được các bài tập kiểm tra các kỹ năng đã học. | XIII.C.1. Chép lại một đoạn từ một bản tin.  XIII.C.3. Viết bài về TCH&TT đối với VN trong quá trình TCH & HN quốc tế.  XIII.C3. Tiếp tục rút bài học kinh nghiệm qua việc chữa bài tập viết trên lớp. |
| **Nội dung**  **14** | XIV.A.1. Liệt kê tất cả v/đề đã học từ ND 1-14. | XIV.B.1. Làm các BT dưới sự chỉ dẫn của GV | XIV.C.1. Ôn tập thi hết môn |

**4. Tóm tắt nội dung môn học:**

Môn học tiếng Việt chuyên ngành III, cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng và những cấu trúc cơ bản về các chủ đề có liên quan đến chuyên ngành VNH như Xã hội, chính trị, kinh tế, pháp luật, du lịch, môi trường, hệ thống giáo dục của VN, truyền thông, khoa học kỹ thuật, thể thao, ngoại giao, những tác động đối với Việt Nam trước sự thay đổi về khí hậu cũng như toàn cầu hoá, các khó khăn thách thức mà quốc gia cũng như Việt Nam phải đối mặt trong thời kỳ hiện nay.

Môn học cũng trang bị cho người học những phong cách ngôn ngữ cơ bản của mỗi loại hình văn bản liên quan đến các chủ đề, cách sử dụng các thuật ngữ, các từ chuyên biệt, các kết cấu đặc trưng của mỗi loại văn bản. Qua đó, rèn luyện kỹ năng viết các bài chuyên ngành.

Môn học đồng thời trang bị và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ cho người học ở các khả năng đọc hiểu văn bản như: đọc lướt, đọc kỹ, cách tóm tắt văn bản, cách tìm các ý chính của văn bản; qua đó, người học cũng được rèn luyện kỹ năng viết cho mỗi loại hình văn bản nói trên với các thể loại: đầy đủ, viết ngắn, viết tóm tắt, cách lập đề cương cho việc viết.... Môn học trang bị cho người học khả năng nghe các bài phát biểu, các bài giảng, các báo cáo, các bài giảng chuyên ngành.

Môn học cung cấp cho sinh viên cách thức tổ chức mô hình học tập theo nhóm qua các buổi thảo luận, các kỹ năng về thuyết trình, điều tra thông tin và tra cứu thông tin trên trang Web nhằm giúp các em học có hiệu quả hơn….

**5. Nội dung chi tiết môn học :**

**5.1. Nội dung 1: XÃ HỘI**

1. Gia đình và xã hội

2. Lao động xã hội

3. Xã hội và những vấn đề đô thị hoá

**5.2. Nội dung 2: CHÍNH TRỊ**

1. Những sự kiện chính trị nổi bật trong thời kỳ đổi mới.

2. Hà Nội và những chính sách về đô thị.

3. Những chính sách tiêu biểu của VN qua các giai đoan lịch sử hiện đại

**5.3. Nội dung 3: KINH TẾ**

1. Những thành tựu kinh tế của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

2. Những vấn về phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam

3. Một số ý kiến của chuyên gia nước ngoài về tình hình kinh tế ở VN.

**5.4. Nội dung 4: PHÁP LUẬT**

1. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.

2. Vấn đề giao thông và việc thực thi luật giao thông ở Việt Nam.

3. Vấn đề luật và truyền thông về luật.

**5.5. Nội dung 5: DU LỊCH**

1. Các loại hình du lịch.

2. Các địa danh du lịch nổi tiếng cho mỗi loại hình du lịch.

3. Tổ chức một tua du lịch sinh thái

**5.6. Nội dung 6: GIÁO DỤC**

1. Những thành tựu của nền giáo dục Việt Nam sau năm 1945.

2. Giáo dục phổ thông ở Việt Nam

3. Giáo dục đại học ở Việt Nam

4. Vấn đề đào tạo nghề của Việt Nam.

**5. 7. Nội dung 7: TRUYỀN THÔNG**

1. Vai trò của truyền thông trong đời sống xã hội.

2. Phát thanh và truyền hình Việt Nam

3. Báo chí ở Việt Nam

**5.8. Nội dung 8: KHOA HỌC KĨ THUẬT**

1.Những thành tựu khoa học-kỹ thuật của VNtrong những năm gần đây.

2. Những yêu cầu phát triển KHKT cho công cuộc hiện đại hoá đất nước.

3. Khoa học kỹ thuật và nền kinh tế tri thức.

**5.9. Nội dung 9: KHÍ HẬU**

1. Khí thải công nghiệp và sự biến đổi khí hậu trái đất.

2. Vấn đề bảo vệ môi trường toàn cầu.

3. Việt Nam và những tác động của quá trình biến đổi khí hậu.

**5.10. Nội dung 10: THỂ THAO**

1. Những thành tựu của thể thao Việt Nam.

2. Vovinam môn võ dân tộc độc đáo

3. Hội khoẻ Phù Đổng - Sức trẻ Việt Nam

**5.11. Nội dung 11: MÔI TRƯỜNG**

1. Khí thải công nghiệp và những tác động tiêu cực với môi trường.

2. Môi trường và sức khoẻ

3. Vấn đề bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

**5.12. Nội dung 12: NGOẠI GIAO**

1. Những thành tựu của ngoại giao Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

2. Việt Nam trong con mắt người nước ngoài.

3. Việt Nam một đất nước mến khách.

**5.13. Nội dung 13: TOÀN CẦU HÓA VÀ NHỮNG THÁCH THỨC**

1. Toàn cầu hoá - một xu thế tất yếu.

2. Toàn cầu hoác và vấn đề hợp tác quốc tế của Việt Nam.

3. Những thách thức đối với Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa.

**5.14. Nội dung 14: ÔN TẬP VÀ THI HẾT MÔN**

1. Điểm lại các nội dung chính đã học trong các bài từ 1 - 13.

2. Hoàn thành các bài tập mà giáo viên yêu cầu.

3. Ôn tập theo sự hướng dẫn của giáo viên.

4. Thi hết môn.

**6. Học liệu:**

**6.1. Học liệu bắt buộc:**

6.1.1. Vũ Văn Thi, Tiếng Việt chuyên ngành III (Kinh tế- Xã hội), Tập bài giảng (đã nghiệm thu), ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, 2012.

**6.2. Học liệu tham khảo :**

6.2.1. Đường Vinh Sường, Toàn cầu hóa kinh tế- Cơ hội và thách thức với các nước đang phát triển, Nxb Thế giới, Hà Nội 2004.

6.2.2. Lê Thành Châu, Hỏi đáp về Hiệp định thương mại Việt-Mỹ, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2002.

6.2.3. Thomas L. Friedman, Thế giới phẳng – tóm lược lịch sử thế giới thế kỉ 21, Nxb Trẻ, Hà Nội, 2007.

**6.3.** **Các trang Web học tập**

W1: [www.vietnamnet.vn](http://www.vietnamnet.vn)

**7. Hình thức tổ chức dạy học:**

**7.1. Lịch trình chung:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung (15 tuần) | Hình thức, tổ chức dạy học | | | | | Tổng số **giờ** |
| Lên lớp | | | Thực tập, điền dã | Tự học, nghiên cứu |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận |
| Tuần 1: Nội dung 1 | 1 | 2 | 1 |  |  |  |
| Tuần 2: Nội dung 2 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 3: Nội dung 3 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 4: Nội dung 4 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 5: Nội dung 5 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 6: Nội dung 6 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 7: Nội dung 7 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 8: Kiểm tra giữa kì | 2 |  |  |  |  |  |
| Tuần 9: Nội dung 8 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 10: Nội dung 9 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 11: Nội dung 10 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 12: Nội dung 11 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 13: Nội dung 12 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 14: Nội dung 13 | 1 | 2 |  |  |  |  |
| Tuần 15: Nội dung 14  Ôn tập cho thi hết môn | 2 | 0 | 1 |  |  |  |
| **Tổng số giờ tín chỉ** | **17** | **26** | **2** |  |  | **45** |
| **Tổng số giờ lên lớp** | **17** | **26** | **2** |  |  | **45** |

**7.2. Lịch trình cụ thể**:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức,**  **tổ chức**  **dạy học** | **Thời gian,**  **địa điểm** | **Nội dung chính** | **Yêu cầu sinh viên**  **chuẩn bị** | **Ghi chú** |
|  |  | **Tuần 1** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Thảo luận  Tự học | 1 giờ  trên lớp  2 giờ  trên lớp  1 giờ  ở nhà | **Nội dung 1**  **-** Kỹ năng nghe lấy ý chính  **-** Kỹ năng thuyết trình  **-** Kỹ năng đọc tìm ý chính  **-** Kỹ năng viết luận và c.trúc một b.luận.  - TLuận về XHVN hiện nay | **-** Nghe, đọc 1 bài về XHVN.  - T.hiểu về XHVN h.nay qua sách báo, internet.  - Ch.bị ý kiến TL.  - Đọc TLBB 6.1.1. |  |
|  |  | **Tuần 2** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Tự học | 1 giờ trên lớp  2 giờ trên  lớp  ở nhà | **Nội dung 2**  **-** Cách viết đoạn mở đầu b.luận.  - Đọc một bài về t.hình CTrVN  - Nghe một bài về những sự kiện CTr nổi bật trong th.kỳ đ.mới**.** | **-** Viết đoạn mở đầu b.luận (đ.tài tự chọn)  - Nghe một bài và tóm tắt ND trên [www.](http://www.)vietnamnet.vn  **-** Đọc TLBB 6.1.1. |  |
|  |  | **Tuần 3** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Tự học | 1 giờ trên lớp  2 giờ trên  lớp  ở nhà | **Nội dung 3**  - Nghe và làm các dạng BT:  tr.lời c.hỏi, tr.nghiệm, đ.từ, ghép nối các th.tin, xác định th.tin chính ,…  - Nói:kỹ năng thuyết trình  - Đọc và làm các dạng BT: ghép các tiêu đề cho đoạn, chọn ý chính của bài qua tr.lời c.hỏi hoặc tr.nghiệm, t.tắt ND bài đọc.  - Viết: viết đoạn kết b.luận | **-** Viết đoạn kết b.luận (đ.tài tự chọn)  - Thử lập dàn ý và ghép các phần của bài th.trình.  - Đọc TLBB 6.1.1.  - Nghe và đọc một bài nói về KTVN |  |
|  |  | **Tuần 4** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Tự học | 1 giờ trên lớp  2 giờ trên  lớp  ở nhà | **Nội dung 4**  - Luyện k.năng nghe lấy th.tin chi tiết và làm các dạng bài: Tr.lời c.hỏi, Tr.lời Đúng/Sai/không có th.tin, đ.từ, x.định th.tin chính.  - Luyện k.năng đọc lấy th.tin chi tiết và làm các dạng BT: Tr.lời tr.nghiệm, Tr.lời đúng/sai/không có th.tin  - Viết:tổ chức ý 1 b.luận:  + Theo trình tự th.gian  + Ng.nhân - hệ quả | - Nghe một bài có liên quan đến v/đề PL&ĐS  - Đọc một bài về luật  **-** Nghe một bài và tóm tắt ND trên [www.](http://www.)vietnamnet.vn  - Đọc TLBB 6.1.1.  - T.hiểu về luật & thực thi luật ở VN |  |
|  |  | **Tuần 5** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Tự học | 1 giờ trên lớp  2 giờ trên  lớp  ở nhà | **Nội dung 5**  - Nghe một đoạn tin về DLVN  - Đọc một bài về DLVN  - Làm các dạng BT: nghe và ghi ý chính; đọc và đ.dấu câu quan điểm, câu sự kiện.  - Viết: lập dàn ý chi tiết cho một b.luận | **-** Tìm hiểu về DLVN  - Lập dàn ý chi tiết cho một b.luận.  - Đọc TLBB 6.1.1. |  |
|  |  | **Tuần 6** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Tự học | 1 giờ trên lớp  2 giờ trên  lớp  ở nhà | **Nội dung 6**  **-** Nghe một đoạn tin về hệ thống GDVN và làm các dạng BT: nghe rồi ghi và x.định các th.tin chính.  - Đọc một bài về GDVN và làm các dạng bài: tr.nghiệm, tr.lời c.hỏi…  - Viết:lập dàn ý chi tiết cho b.luận theo chủ đề cho trước | - T.hiểu về h.thống giáo dục Việt Nam.  **-** Lập dàn ý chi tiết cho b.luận theo chủ đề cho trước.  - Đọc TLBB 6.1.1.  - Sử dụng giáo cụ trực quan khi làm th.trình |  |
|  |  | **Tuần 7** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Tự học | 1 giờ trên lớp  2 giờ trên  lớp  ở nhà | **Nội dung 7**  - Nghe một đoạn tin về Tr.T trên đài báo VN và làm các dạng BT từ bài 1-6.  - Đọc bài về các hình thức TTTT tại VN và t.tắt BĐ.  - Thuyết trình: V.trò của NN cử chỉ trong th.trình  - Viết: liên kết giữa các đoạn một b.luận, các dấu hiệu chuyển đoạn | **-** Tìm hiểu về truyền thông Việt Nam.  - Đọc TLBB 6.1.1.  - Nghe một bài và tóm tắt ND trên [www.](http://www.)vietnamnet.vn - Viết một bài báo về một vấn đề XH. |  |
|  |  | **Tuần 8** |  |  |
| Kiểm tra  (theo kiểu ở bảng 1)  Ôn tập | 2 giờ trên lớp | **Nội dung 8**  **Kiểm tra giữa kì** | - Ôn tập từ ND 1 đến ND 7 và àm các BT theo hướng dẫn của GV |  |
|  |  | **Tuần 9** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Tự học | 1 giờ trên lớp  2 giờ trên  lớp  ở nhà | **Nội dung 9**  - Nghe một bài các thành tựu KHKT của VN và làm các BT ph.triển k.năng đọc.  - Đọc bài về mặt trái của sự ph.triển KHCN.  Viết: Trả bài và nhận xét  Nói: Cách tr.bày phần kết bài th.trình | - T.hiểu thành tựu của KHKTVN.  - Viết bài văn khoảng 250-300 từ về các hướng ph.triển KHKT trong tương lai của VN  - Đọc TLBB 6.1.1. |  |
|  |  | **Tuần 10** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Tự học | 1 giờ trên lớp  2 giờ trên  lớp  ở nhà | **Nội dung 10**  - Nghe một bài về BĐKH và làm các BT ph.triển kĩ năng nghe  - Đọc một bài về tác động tiêu cực của việc BĐKH và tác động đối với VN và làm các BT ph.triển k.năng đọc. | **-**T.hiểu về sự BĐKH trái đất và những tác động đến các nước trên TG.  - Nghe một bài và tóm tắt ND trên [www.](http://www.)vietnamnet.vn  - Đọc TLBB 6.1.1. |  |
|  |  | **Tuần 11** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Tự học | 1 giờ trên lớp  2 giờ trên  lớp  ở nhà | **Nội dung 11**  - Tổng kết lý thuyết của kỹ năng thuyết trình.  - Nghe một bài về những thành tựu TTVN và làm các BT có liên quan.  - Đọc một bài nói về xu hướng ph.triển của TTVN  - Chia nhóm nói về các v/đề TT cho lớp trẻ hiện nay | - Tìm hiểu về TTVN  - Viết một bài văn khoảng 250-300 từ về: những v/đề của TTVN  - Đọc TLBB 6.1.1. |  |
|  |  | **Tuần 12** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Tự học | 1 giờ trên lớp  2 giờ trên lớp  ở nhà | **Nội dung 12**  - Nghe một đoạn tin về MT, luyện các dạng BT  - Đọc một bài về ảnh hưởng của MT đến cuộc sống, làm BT: đ.từ chỗ trống, tìm từ gần/trái nghĩa…  - Thực hành th.trình theo nhóm có sử dụng phần mềm powerpoint | **-** Tìm hiểu về MT và v/đề bảo vệ MT ở VN  - Viết bài khoảng 300 từ về MT  - Chuẩn bị thuyết trình về để tài đã đăng ký  - Đọc TLBB 6.1.1. |  |
|  |  | **Tuần 13** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Tự học | 1 giờ trên lớp  2 giờ trên  lớp  ở nhà | **Nội dung 13**  - X.dựng ĐC bài tiểu luận.  - Nghe một bài về th.tựu nền NGVN, làm BT k.năng nghe  - Đọc bài những điều nên/ không nên làm đối với NNN, làm các BT ph.triển k.năng.  - Th.hành th.trình nhóm có sử dụng powerpoint | - Tìm hiểu về nền NG VN.  **-** Viết một bài văn khoảng 300 từ về NGVN  - Chuẩn bị thuyết trình theo đề tài đã đăng ký.  - Đọc TLBB 6.1.1. |  |
|  |  | **Tuần 14** |  |  |
| Lý thuyết  Bài tập  Tự học | 1 giờ trên lớp  2 giờ trên  lớp  ở nhà | **Nội dung 14**  - Nghe một bài về TCH, luyện tổng hợp các k.năng và các dạng BT.  - Đọc bài về cơ hội VN có được sau khi gia nhập WTO, làm các dạng bài tập.  - Viết: một bài trên 300 từ về một vấn đề của TCH | - Tìm th.tin về cơ hội và thách thức VN đang đối mặt trong th.kỳ TCH  - Chọn nghe một bài và t.tắt ND trên vietnamnet.vn  - Đọc TLBB 6.1.1. |  |
|  |  | **Tuần 15** |  |  |
| Ôn tập  Tự học | 1 giờ trên lớp  ở nhà | **Nội dung 15**  Các nội dung ôn tập :  - Viết  văn kiểu nguyên nhân - hệ quả ; điều kiện - kết quả...  - Nói : thuyết trình.  - Đọc: các dạng BT của đọc  - Nghe: nghe tin trên tivi , đài | - Sinh viên làm các BT theo hướng dẫn của GV.  - Tự ôn tập ở nhà |  |

**8. Chính sách, yêu cầu đối với môn học:**

- Sinh viên đi học đầy đủ, đúng giờ (không được phép vắng mặt quá 20% giờ học trên lớp với các nội dung: lí thuyết, bài tập, thực hành). Sinh viên nghỉ quá 20% giờ học trên lớp sẽ không được dự thi.

- Tích cực, chủ động trong các giờ học giao tiếp trên lớp

- Biết chia sẻ thông tin, tham gia nhiệt tình các hoạt động theo nhóm

- Có ý thức tự học, tự chuẩn bị bài theo yêu cầu của giảng viên

- Yêu thích môn học, tôntrọng giảng viên, các nhà nghiên cứu

- Nộp bài tập lấy điểm đánh giá thường xuyên đúng hạn và đầy đủ

- Thường xuyên cập nhật các sự kiện liên quan đến các chủ đề trong chương trình bằng cách xem, nghe, đọc các bản tin thời thời sự, truy cập Internet thường xuyên, đọc các báo, tạp chí, v.v…, khuyến khích sinh viên tìm thêm tài liệu tham khảo và trao đổi ý kiến với giảng viên.

**9. Phương pháp,hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học:**

**9.1. Thông tin chung:** Kiểm tra cả 4 kỹ năng **nghe, nói, đọc, viết**. Điểm đánh giá cuối cùng của sinh viên được đánh giá như sau:

a. Đánh giá thường xuyên: qua các hoạt động trên lớp hàng ngày và bài tập về nhà, Tỷ trọng = 30% điểm đánh giá cuối cùng (ĐGCC)

b. Đánh giá giữa kỳ:kiểm tra vào tuần thứ **8**. Tỷ trọng = 20%. (ĐGCC)

c. Đánh giá cuối kỳ: Tuần thứ 15. Tỷ trọng = 50% (ĐGCC)

**9.2. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:** Cách tính điểm:Thang điểm 100:

Đọc: 30%; Viết: 20%; Nghe: 20%; Nói: 20%; Chuyên cần: 10%

NGHE: Kiểm tra ngay tại lớp trong thời gian 5 - 15 phút. Cụ thể:

- Cách tiến hành: Trong giờ dạy nghe, cho sinh viên nghe một đoạn băng 2-3 lần. Yêu cầu sinh viên viết câu trả lời ra giấy. Thu bài của cả lớp và chấm chéo.

- Các dạng thức đề kiểm tra, bài tập, chủ yếu:

+ Trắc nghiệm (Multiple Choice)

+ Đúng/ Sai/ Không có thông tin

+ Câu hỏi nghe hiểu

+Nghe và điền từ vào chỗ trống

NÓI: Ngoài việc theo dõi và đánh giá sinh viên qua các hoạt động, thảo luận, trình bày trên lớp, giáo viên yêu cầu sinh viên thuyết trình các đề tài lớn hơn theo chương trình học (hình thức thuyết trình theo nhóm có sử dụng powerpoint).

- Cách tiến hành:Chia lớp thành các nhóm rồi yêu cầu sinh viên đăng ký đề tài vào tuần thứ 2, nộp dàn ý chi tiết vào tuần thứ 5 (sau khi đã học và thực hành phần lý thuyết cách làm dàn ý cho một bài thuyết trình). Bắt đầu từ tuần thứ 10, các nhóm bốc thăm thứ tự để tiến hành thuyết trình.

- Các tiêu chí đánh giá:

+ Tiến độ công việc (hạn đăng ký đề tài, nộp dàn ý, nộp báo cáo)

+ Kỹ năng thuyết trình (ngữ âm, ngữ pháp, cách trình bày ý tưởng và nội dung ý tưởng, khả năng giao tiếp, v.v.)

+ Đánh giá chung cho cả nhóm và cho từng cá nhân trong nhóm.

ĐỌC: Áp dụng 1 trong 2 hình thức sau:

1. Các bài kiểm tra đọc thường xuyên trên lớp vào các tuần 3, 6 và 12; thời gian: 15 - 30 phút. Cách thức tiến hành: Trong giờ dạy đọc, cho sinh viên đọc một bài đọc dài khoảng 250-300 từ. Yêu cầu sinh viên viết câu trả lời ra giấy. Thu bài của cả lớp và chấm chéo.

2. Dạng thức đề kiểm tra, bài tập chủ yếu: Trắc nghiệm, Đúng/ Sai/ Không có thông tin, câu hỏi đọc hiểu, điền từ vào chỗ trống, ghép câu chủ đề với đoạn văn phù hợp…

VIẾT: Kiểm tra bằng các bài tập viết ở nhà. Cách thức tiến hành: cho sinh các chủ đề viết về nhà với các dạng bài đã học trong chương trình. Yêu cầu sinh viên viết ra giấy. Thu bài vào tuần 2, 5, 10 và 13. Trả bài viết một tuần sau khi thu bài. Dạng thức đề kiểm tra, bài tập chủ yếu: viết bài luận (300-350 từ)

**9.3. Kiểm tra đánh giá định kỳ:**

9.3.1. Kiểm tra-đánh giá giữa kỳ: tính theo thang điểm 100. Kiểm tra viết (60’), gồm: Đọc: 30(%) + Viết: 30(%) + Nghe: 20(%), Nói: 20% (3-5 phút/1s/v):

BẢNG 1: DẠNG ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ

# Bài kiểm tra: Đọc-Viết (60/100 điểm- 60 phút):

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Kĩ năng | Tỉ trọng | Ngữ liệu  cho trước | Số câu hỏi | Dạng thức câu hỏi | Điểm | Thời gian |
| Đọc | 30% | 2 bài đọc, mỗi bài có độ dài 250 - 300 từ | 10 | Đúng-Sai- Không có thông tin/ Nối A-B/ Trắc nghiệm/ Tìm nghĩa từ | 20’ | 15’ |
| 10 | Câu hỏi đọc hiểu/ Chuyển đối thông tin\* | 20 | 15’ |
| Viết | 30% | Chủ đề gợi ý | 1 | Viết đoạn văn | 10 | 20’ |
| 1 đoạn văn (80-100 từ) | 5 | Viết đoạn văn | 10 | 10’ |

## Bài kiểm tra: Nghe (20/100 điểm - 10 phút):

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Kĩ năng | Tỉ trọng | Ngữ liệu  cho trước | Số câu hỏi | Dạng thức câu hỏi | Điểm | Thời gian |
| Nghe | 20% | 2 đoạn băng độc thoại có độ dài 5-7 phút-Nghe 2 lần | 5 | Đúng-Sai-Không có thông tin | 10 |  |
| 5 | Câu hỏi nghe hiểu,điền từ | 10 |  |

**Bài kiểm tra: Nói (20/100 điểm):**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Kĩ năng | Tỉ trọng | Ngữ liệu  cho trước | Số câu hỏi | Dạng thức câu hỏi | Điểm | Thời gian |
| Nói | 20% | Câu hỏi theo chủ đề đã học |  | Chủ đề | 14 | 3-5 phút |
|  | Trả lời câu hỏi của GV | 6 |

**9.3.2. Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:** tính theo thang điểm 100. Kiểm tra viết, 90 phút, gồm: Đọc: 30(%) + Viết: 30(%) + Nghe: 20(%), Nói: 20% (3-5 phút/1s/v). Dạng đề kiểm tra giữa kì (Bảng 2):

BẢNG 2: DẠNG ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ

# Bài kiểm tra: Đọc-Viết- Ngữ pháp & Từ vựng (60/100 điểm-90 phút)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Kĩ năng | Tỉ trọng | Ngữ liệu  cho trước | Số câu hỏi | Dạng thức câu hỏi | Điểm | Thời gian |
| Đọc | 30% | 2 bài đọc, mỗi bài có độ dài 250-300 từ |  | Đúng-Sai-Không có thông tin/ Trắc nghiệm | 7,5 | 10’ |
| 5 | Tìm nghĩa từ | 5 | 10’ |
| 5 | Chọn câu chủ đề phù hợp cho đoạn văn | 5 | 5’ |
| 5 | Câu hỏi đọc hiểu | 7,5 | 10’ |
| Đoạn văn (120 -150 từ): 10 chỗ trống không có từ gợi ý | 10 | Điền từ vào chỗ trống | 10 | 10’ |
| Viết | 30% | Một đoạn văn 120  -150 từ | 1 | Viết | 10 | 15 |
| Chủ đề kèm theo một số gợi ý | 1 | Viết đoạn văn | 15 | 30 |

# Bài kiểm tra: Nghe (20/100 điểm - 15 phút)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Kĩ năng | Tỉ trọng | Ngữ liệu  cho trước | Số câu hỏi | Dạng thức câu hỏi | Điểm | Thời gian |
| Nghe | 20% | 2 đoạn băng (độc thoại và/hoặc hội thoại) có độ dài 5-7 phút. Nghe 2 lần | 10 | Đúng-Sai- Không có thông tin | 10 |  |
| 5 | Câu hỏi nghe hiểu/ Điền từ | 10 |  |

**Bài kiểm tra: Nói (20/100 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Kĩ năng | Tỉ trọng | Ngữ liệu  cho trước | Số câu hỏi | Dạng thức câu hỏi | Điểm | Thời gian |
| Nói | 20% | Tờ câu hỏi có chủ đề in sẵn |  | Giới thiệu về bản thân | 4 | 3-5 phút |
|  | Chủ đề (trình bày) | 12 |
|  | Trả lời câu hỏi của GV | 4 |

Chú ý: Đề kiểm tra không chỉ giới hạn ở các dạng trên.

**9.3. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập:**

a. Bài tập cá nhân/tuần:

+ Bài tập nói: đánh giá dựa trên các tiêu chí sau: ngữ âm; ngữ pháp; cách trình bày ý tưởng và nội dung ý tưởng và khả năng giao tiếp

+ Bài tập nghe:

- Câu trả lời viết rõ ràng, không quá dài so với yêu cầu của giảng viên;

- Viết câu trả lời theo đúng yêu cầu của giảng viên;

- Nộp đúng thời gian, sẽ trừ điểm nếu nộp muộn.

+ Bài tập đọc:

- Câu trả lời viết rõ ràng, không quá dài so với yêu cầu của giảng viên;

- Viết câu trả lời theo đúng yêu cầu của giảng viên;

- Nộp đúng thời gian, sẽ trừ điểm nếu nộp muộn.

+ Bài tập viết:

- Viết đúng chủ đề; thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong bài viết;

- Cấu trúc bài viết logic, hệ thống;

- Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, không quá dài

- Trình bày theo đúng dạng thức đã quy định;

- Nộp đúng thời gian, sẽ trừ điểm nếu nộp muộn.

**9.4. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại):**

- Lịch kiểm tra giữa kỳ: tuần 8 của học kỳ

- Lịch kiểm tra cuối kỳ: theo thông báo của Phòng đào tạo

- Lịch thi lại: theo thông báo của Phòng đào tạo

Hà Nội ngày 26 tháng 6 năm 2013

**Duyệt Chủ nhiệm bộ môn Giảng viên**

*(Thủ trưởng đơn vị đào tạo) (Ký tên) (Ký tên)*